

Bản án số: 1092/2024/HS-PT
Ngày 27 tháng 11 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Vương Minh Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Tú Anh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hải Long – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 807/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo Lê T và bị cáo Nguyễn A, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2024/HS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Lê T**, sinh năm 1992 tại tỉnh Bình Định; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thanh Quang, xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; Tạm trú: Ấp Lò Ô, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thành Long và bà Bùi Thị Thạch (chết); Có vợ tên Lê Thị Thảo và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 24/02/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn A**, sinh năm 1991 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Khu phố 01, phường Phú Lâm, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Châu và bà Nguyễn Thị Vĩ Hội; Có vợ tên Nguyễn Thị Bích Chi và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân

thân: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 02/3/2023 đến ngày 09/11/2023 tại ngoại đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê T: Luật sư Trần Thanh Phúc, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Mỹ Ý thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

- *Bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn A:* Luật sư Đoàn Trọng Nghĩa, Trưởng Văn phòng luật sư Đoàn Trọng Nghĩa thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

Người bị hại: Ông Phạm Minh T¹, sinh năm 1972 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 37, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước;

Ngoài ra còn có bị cáo Tô Văn G (cũng đồng thời là bị hại) và 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2005, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Xây dựng và Du lịch Việt Can (tạm viết tắt là Công ty Việt Can) do ông Phạm Minh T¹ làm Giám đốc được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông giao 50 ha đất tại xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Do trồng cây công nghiệp không hiệu quả nên muốn chuyển đổi 10 ha đất sang đầu tư xây dựng trại chăn nuôi heo. Cuối năm 2020, bị cáo Lê T được tuyển dụng vào Công ty Việt Can. Tháng 7 năm 2021, ông T¹ giao cho T lập hồ sơ dự án xin chủ trương đầu tư. T đã câu kết với bị cáo Tô Văn G đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của ông T¹ như sau:

Lần 1: Ngày 19/10/2021, T điện thoại kêu ông T¹ chuyển cho T 70.000.000 đồng để lập bản vẽ thiết kế và báo cáo đánh giá tác động môi trường nên ông T¹ đã chuyển 70.000.000 đồng cho T.

Lần 2 và lần 3 là vào ngày 29/10/2021 và ngày 19/11/2021, T đưa ra thông tin kê khai thuế cho Công ty Việt Can và yêu cầu ông T¹ chuyển 02 lần với số tiền 70.000.000 đồng cho T.

Sau khi nhận được tiền cả 3 lần trên, T không làm gì như thông tin đã đưa và T sử dụng tiền để tiêu xài cá nhân.

Lần 4: Tô Văn G biết ông T¹ muốn chuyển nhượng lại dự án nên G gọi điện hỏi mua. G nói với ông T¹ là G có nhiều mối quan hệ, có thể giúp ông T¹

gặp các lãnh đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông để xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, nhưng do ông T¹ là thầy tu, không thích hợp gặp lãnh đạo mà cần ủy quyền cho người khác thì ông T¹ nói là ủy quyền cho T. T gọi điện cho G trao đổi về dự án, G sắp xếp cho T (thông qua ông Phan Sỹ H) để ngày 09/12/2021 T đến gặp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, còn ông T¹ không vào mà đứng trước cổng đợi. Thấy dự án không có tiến triển nên ông T¹ thúc giục và yêu cầu T cung cấp số điện thoại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để chủ động liên lạc. Do đã nhận tiền nhưng không thực hiện nên T nghĩ ra cách nhờ người đóng giả là ông T² – Trợ lý Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tìm cách chiếm đoạt tài sản của ông T¹. Sau đó, G nhờ bị cáo Nguyễn A đóng giả ông T² và đưa số điện thoại 0784.568.268 của A cho T để T cung cấp cho ông T¹ với danh nghĩa là số điện thoại của ông T². G và T hướng dẫn về dự án trang trại của Công ty Việt Can để Nguyễn A trao đổi cho ông T¹ tin tưởng. Ngày 24/12/2021, lấy lý do tài khoản của mình bị lỗi, T nhờ tài khoản của anh Lê Đình Đ nhận tiền chuyển đến nên Đ cho T số tài khoản của mình tại Ngân hàng MB Bank. T điện thoại kêu A đóng giả ông T² điện thoại kêu ông T¹ chuyển 200.000.000 đồng để làm hồ sơ và T kêu ông T¹ chuyển thêm 100.000.000 đồng. T nhắn số tài khoản của anh Đ cho A cung cấp cho ông T¹ chuyển tiền vào nên ông T¹ đã chuyển 300.000.000 đồng vào tài khoản của anh Đ thì T báo cho A biết để A xác nhận với ông T¹ là đã nhận tiền. Theo yêu cầu của T, anh Đ chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản của G và chuyển cho T 100.000.000 đồng.

Thực hiện quy trình thẩm định hồ sơ dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông ban hành Công văn số 2981 ngày 21/12/2021 đề nghị các ban ngành hữu quan có ý kiến về hồ sơ đầu tư dự án Trang trại chăn nuôi của Công ty Việt Can. Sở Tài chính có Công văn số 2535 ngày 22/12/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 2936 ngày 24/12/2021, Sở Xây dựng có Công văn số 2618 ngày 27/12/2021, Ủy ban nhân dân huyện Tuy Đức có Công văn số 2483 ngày 29/12/2021 trả lời. Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Công văn số 3038 ngày 29/12/2021 yêu cầu Công ty Việt Can bổ sung hoàn thiện hồ sơ trước ngày 31/12/2021.

Lần 5: T điện thoại nói dự án gặp khó khăn nên yêu cầu ông T¹ chuyển 300.000.000 đồng và điện thoại kêu A đóng giả ông T² xác nhận nên vào ngày 06/01/2022 ông T¹ chuyển 300.000.000 đồng vào tài khoản của anh Đ thì A xác nhận với ông T¹ là đã nhận tiền. Theo yêu cầu của T, anh Đ chuyển cho T 200.000.000 đồng và chuyển cho G 100.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 10/02/2022, T yêu cầu ông T¹ chuyển 300.000.000 đồng và trao đổi với G kêu A đóng giả ông T² xác nhận nên vào ông T¹ chuyển

300.000.000 đồng vào tài khoản của anh Đ. Theo yêu cầu của T, anh Đ chuyển cho T 270.000.000 đồng, chuyển cho G 20.000.000 đồng và cho Đ vay 10.000.000 đồng.

Lần 7, lần 8, lần 9, lần 10: Lấy lý do bồi dưỡng cho đoàn kiểm tra, nộp lệ phí chuyển đổi đất, chi phí lấy quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép xây dựng... T yêu cầu ông T¹ chuyển vào tài khoản của T tổng cộng 525.000.000 đồng (Cụ thể chuyển 60.000.000 đồng ngày 22/02/2022, 65.000.000 đồng ngày 27/02/2022, 200.000.000 đồng ngày 09/3/2022 và 200.000.000 đồng ngày 15/3/2022).

Lần 11, lần 12, lần 13, lần 14, lần 15: Lấy lý do cần lấy bộ hồ sơ dự án, quà biếu, báo cáo đánh giá tác động môi trường, T tự tạo ra tài khoản tin nhắn có nick name là “A Tuyển ĐN” nhắn vào điện thoại của T rồi chụp màn hình gửi cho ông T¹ tin tưởng để ông T¹ chuyển vào tài khoản của T tổng cộng 510.000.000 đồng (Cụ thể chuyển 50.000.000 đồng ngày 28/3/2022, 100.000.000 đồng ngày 08/4/2022, 80.000.000 đồng ngày 20/7/2022, 50.000.000 đồng ngày 07/9/2022 và 230.000.000 đồng ngày 08/9/2022).

Lần 16, lần 17: Lấy lý do Công ty Việt Can cần phải ra Đà Nẵng giải trình báo cáo tác động môi trường, T và G yêu cầu ông T¹ chuẩn bị 200.000.000 đồng để nhờ ông T² giúp đỡ và 37.000.000 đồng để đóng thuế trước bạ. Ông T¹ gọi điện thì A xác nhận nên ngày 11/6/2022 ông T¹ chuyển vào tài khoản của Đ 200.000.000 đồng và ngày 26/7/2022 chuyển 37.000.000 đồng. Đ chuyển cho T toàn bộ số tiền 237.000.000 đồng và T tiêu xài cá nhân.

Tổng cộng 17 lần, Lê T, Tô Văn G, Nguyễn A đã chiếm đoạt của ông Phạm Minh T¹ tổng cộng 2.312.000.000 đồng; Trong đó, Tô Văn G và Nguyễn A giúp sức cho T chiếm đoạt 1.037.000.000 đồng. G được T chia 320.000.000 đồng còn Nguyễn A thì không được chia tiền.

Thấy đã đưa tiền nhiều lần nhưng chưa được nhận hồ sơ về dự án nên ông T¹ yêu cầu T chuyển cho ông toàn bộ hồ sơ. Ngày 23/9/2022, G nhờ A chuyển cho ông T¹ bản photocopy văn bản của các sở, ngành tỉnh; ông T¹ yêu cầu phải cung cấp bản chính, nhưng do không có bản chính các văn bản này nên T thuê người có tài khoản tên Lê Long (không rõ tung tích) tạo ra 07 tài liệu giả, sao y chứng thực đúng bản chính, giả chữ ký của ông Thạch Cảnh Tịnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa ký tên lên các văn bản rồi gửi cho ông T¹, gồm các văn bản sau: Công văn số 2535/STC-GCS&TCDN ngày 22/02/2021 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông, Công văn số 2618/SXD-QHKT&PTĐT ngày 27/12/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông, Công văn số 3038/SKH-KTĐN ngày 29/12/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông, Công văn số

3332/STNMT-QHGD ngày 31/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông, Công văn số 2483/UBND-TCKH ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Đức, Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 12/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông và 01 Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án trang trại chăn nuôi số 15 ngày 07/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngày 20/10/2022, ông T¹ xác minh thì biết các tài liệu trên là giả nên tố cáo T và đồng phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông.

Trong cùng khoảng thời gian này, T biết G muốn làm thủ tục đấu nối điện áp mái, cần mua pin năng lượng mặt trời để lắp mái trang trại chăn nuôi cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Long Tiến (viết tắt Công ty Long Tiến) ở Thôn 01, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông nhưng G không biết thủ tục thực hiện. Mặc dù T không quen biết ai ở Tổng Công ty Điện lực miền Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh), nhưng T đưa ra thông tin gian dối là có quen biết nhiều người, sẽ giúp G lo thủ tục xin đấu nối điện và bảo lãnh tài chính khi thực hiện. T tìm hiểu trên mạng xã hội về quy trình nhập pin và thủ tục đấu nối điện, sử dụng phần mềm chuyển đổi giọng nói “APK CRTYON” tải về điện thoại, mua các sim rác cung cấp cho G gọi đến để giả giọng người khác trao đổi. T sử dụng số điện thoại 0973.526.649 giới thiệu là Thảo, sử dụng số điện thoại 0357.752.781 giới thiệu là Thắng, công tác tại Công ty Điện lực miền Nam; sử dụng số 0359.920.389 giới thiệu là Cường, sử dụng số 0797.701.746 giả giọng nói giới thiệu là Tiến làm ở Cảng Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh. T chỉnh sửa nhiều văn bản của Tập đoàn điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực miền Nam... gửi qua Zalo cho G. Tin tưởng các thông tin mà T đưa ra là thật, trong thời gian từ ngày 27/12/2021 đến ngày 24/5/2022, G chuyển cho T 13 lần tổng số tiền là 682.800.000 đồng. Cụ thể như sau:

Chuyển qua tài khoản số 0281000482548 của Lê Thị Thảo (là vợ của T) vào ngày 27/12/2021 số tiền là 82.800.000 đồng, ngày 03/01/2022 chuyển 40.000.000 đồng, ngày 12/01/2022 chuyển 30.000.000 đồng, ngày 14/01/2022 chuyển 10.000.000 đồng, ngày 15/01/2022 chuyển 10.000.000 đồng, ngày 17/01/2022 chuyển 19.000.000 đồng, ngày 21/01/2022 chuyển 70.000.000 đồng, ngày 05/5/2022 chuyển 105.000.000 đồng, ngày 10/5/2022 chuyển 60.000.000 đồng;

Chuyển qua tài khoản số 10099993979 của Lê Công Tình (em của T) ngày 29/4/2022 là 90.000.000 đồng;

Chuyển qua tài khoản số 0501000121937 của T vào ngày 13/5/2022 là 56.000.000 đồng, ngày 19/5/2022 chuyển 50.000.000 đồng, ngày 24/5/2022 chuyển 60.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền, T tiêu xài cá nhân, chơi game, mua tiền ảo và trả nợ. G hỏi nhiều lần nhưng T không có pin cung cấp. Tháng 5 năm 2022, T đặt làm giả 01 tài liệu Giấy thanh toán tạm ứng trước khi nhận hàng số OCB051 ngày 24/5/2022 của Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty Long Tiến rồi đưa cho G để làm tin. Không thấy T cung cấp pin và hồ sơ thủ tục đấu nối điện nên G xác minh thì biết T lừa đảo nên đã giao nộp tài liệu và tố cáo T.

Khám xét chỗ ở của T còn thu giữ 03 tài liệu giả khác gồm: 01 Thư cam kết thế tín dụng số 048/BIDV.TPTĐ-KHDN ngày 24/12/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh thành phố Thủ Đức; 01 Thư cam kết cấp tín dụng số 048/BIDV.TPTĐ-KHDN ngày 24/02/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh thành phố Thủ Đức gửi Công ty Việt Can; 01 xác nhận số dư tiền gửi số 002365 ngày 10/12/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông, chi nhánh Gia Định (Phòng giao dịch Duy Tân).

Kết luận giám định số 307 ngày 11/11/2022 và số 117 ngày 10/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông, kết luận:

- Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA T.ĐẮK NÔNG” trên 07 tài liệu cần giám định so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu không phải do cùng một con dấu đóng ra; hình dấu tròn này được tạo bằng phương pháp in màu.

- Chữ ký mang tên Thạch Cảnh Tịnh trên 07 tài liệu cần giám định so với chữ ký Thạch Cảnh Tịnh trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra; chữ ký này trực tiếp; so sánh với chữ ký của Lê T là do một người cùng ký ra.

Kết luận giám định số 271 ngày 14/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông, kết luận: Chữ ký mang tên Phan Văn Việt dưới mục Thủ trưởng đơn vị trên tài liệu Giấy thanh toán tạm ứng trước khi nhận hàng so với chữ ký của ông Phan Văn Việt trên tài liệu mẫu không phải do cùng một người ký ra. Hình dấu tròn màu đỏ dưới mục Thủ trưởng đơn vị trên tài liệu cần giám định so sánh hình dấu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh trên tài liệu mẫu không phải do cùng một con dấu đóng ra; con dấu này được tạo ra bằng phương pháp in màu.

Kết luận giám định số 454 ngày 29/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông, kết luận: Chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc Ân dưới mục Giám đốc trên tài liệu Thư cam kết cấp tín dụng so với chữ ký của ông Nguyễn Ngọc Ân trên tài liệu mẫu không phải do cùng một người ký ra, so sánh với chữ

ký của Lê T là do một người cùng ký ra. Hình dấu tròn trên 02 tài liệu cần giám định (Thư cam kết cấp tín dụng và Thẻ cam kết tín dụng) không phải là hình dấu đóng, mà được tạo ra bằng phương pháp in màu.

Kết luận giám định số 298 ngày 09/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông, kết luận:

- Nội dung Công văn số 2535/STC-GCS&TCDN ngày 22/12/2021 của Sở Tài Chính tỉnh Đắk Nông, Công văn số 2618/SXD-QHKT&PTĐT ngày 27/12/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông, Công văn số 2483/UBND-TCKH ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Đức so với nội dung các công văn cùng số, ngày tháng năm và đơn vị ban hành trên tài liệu mẫu so sánh là giống nhau, nhưng kỹ thuật trình bày khác nhau về khoảng cách, kích thước các thành phần thể thức và định lề trang.

- Nội dung và kỹ thuật trình bày Công văn số 3038/SKH-KTĐN ngày 29/12/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông, Công văn số 3332/STNMT-QHGD ngày 31/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông, Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 12/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông so với nội dung công văn, quyết định có cùng số, ngày tháng năm và đơn vị ban hành trên tài liệu mẫu là khác nhau.

Tại Bản cáo trạng số 18/CT-VKSĐN-P2 ngày 10/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Lê T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn A về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 và còn truy tố Tô Văn Giản;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2024/HS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê T phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; Nguyễn A phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê T 17 (*Mười bảy*) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê T 04 (*Bốn*) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành là 21 (*Hai mươi một*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 24/02/2023).

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn A 12 (*Mười hai*) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bắt tạm giữ, tạm giam (từ ngày 02/3/2023 đến ngày 09/11/2023);

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với Tô Văn G; về xử lý vật chứng; về trách nhiệm dân sự; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/7/2024 và ngày 05/8/2024, bị cáo Lê T và bị cáo Nguyễn A có đơn kháng cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Lê T không kháng cáo về tội danh, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt tù đối với cả hai tội. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, bị cáo có nộp thêm tài liệu chứng minh ông nội của bị cáo là người có công với nước, hoàn cảnh gia đình khó khăn, xin được giảm nhẹ hình phạt. Ban đầu bị cáo làm thủ tục xin dự án cho ông T¹ là làm thật, có xin phép các cơ quan chức năng, nhưng sau đó gặp khó khăn, ông T¹ hỏi thúc nên bị cáo mới làm giả các giấy tờ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê T đề nghị xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú, đã bồi thường một phần thiệt hại, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn A không kháng cáo về tội danh, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Do tình cảm đồng hương nên bị cáo giúp Tô Văn G mà không được hưởng lợi gì, bị cáo cũng không biết G và T lừa đảo. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, bị cáo có đem tiền khắc phục hậu quả nhưng được ông T¹ cho lại và ông T¹ có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo, chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn A thống nhất tội danh, chỉ đề nghị xem xét bị cáo chỉ giúp đỡ G do tình cảm đồng hương mà không được hưởng lợi gì, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo, tuy Bản án sơ thẩm không buộc bị cáo bồi thường, nhưng bị cáo cũng mong muốn khắc phục hậu quả nên đem tiền đến bồi thường cho ông T¹ và được ông T¹ cho lại, nên đề nghị áp dụng

điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo và do đó áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ dưới khung hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự; Các đơn kháng cáo đều hợp lệ, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm; Về nội dung Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, bị cáo Nguyễn A phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là có căn cứ, đã xử phạt hai bị cáo mức hình phạt tương xứng, đề nghị bác kháng cáo của hai bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê T và bị cáo Nguyễn A đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với Biên bản thu giữ vật chứng, phù hợp với các Kết luận giám định, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định: Từ ngày 19/10/2021 đến ngày 26/7/2022, bị cáo Lê T thuê người làm giả các văn bản của các ban ngành hữu quan tỉnh Đắk Nông, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, câu kết với Tô Văn G đưa ra các thông tin gian dối và nhờ bị cáo Nguyễn A đóng giả người có thẩm quyền xác nhận các thông tin gian dối của T và G đưa ra để chiếm đoạt của ông Phạm Minh T¹ 17 lần với tổng số tiền là 2.312.000.000 đồng để T và G chia nhau (bị cáo Nguyễn A không được chia tiền); Đồng thời từ ngày 27/12/2021 đến ngày 24/5/2022, bị cáo Lê T sử dụng sim rác, sử dụng phần mềm chỉnh giọng nói, thuê người làm giả các văn bản của ngân hàng, chỉnh sửa nhiều văn bản của Tập đoàn điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực miền Nam để chiếm đoạt của Tô Văn G (cũng đồng thời là bị cáo) 13 lần với tổng số tiền là 682.800.000 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn A phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, vừa xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, vừa xâm phạm nghiêm trọng tài sản của người khác, gây mất trật tự, an toàn xã hội.

[3.1] Bị cáo Lê T là người khởi xướng, vạch ra kế hoạch và trực tiếp đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của ông Phạm Minh T¹ và là người chiếm hưởng số tiền 1.992.000.000 đồng, cao hơn nhiều so với bị cáo Tô Văn G, đồng thời bị cáo Lê T còn lừa đảo chiếm đoạt của bị cáo G 682.800.000 đồng, nên bị cáo Lê T phạm tội với tính chất mức độ cao nhất. Cùng một lúc bị cáo phạm 02 tội. Bản án sơ thẩm đã xem xét bị cáo Lê T có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên và đã cân nhắc đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình nộp tiền để bồi thường một phần thiệt hại, đầu thú, nên đã xử phạt bị cáo 17 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 04 năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” đã là thỏa đáng. Tuy ông nội của bị cáo là người có công với nước, nhưng đây không phải là tình tiết giảm nhẹ (theo tinh thần quy định tại điểm c mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao), nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, lời bào chữa của luật sư xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4.2] Tuy không được chia tiền chiếm đoạt nhưng bị cáo Nguyễn A đã đóng giả ông T² là trợ lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để nhiều lần xác nhận với bị hại Phạm Minh T¹ các thông tin do bị cáo Lê T và bị cáo Tô Văn G đưa ra là thật, mặc dù bị cáo Nguyễn A biết rõ các thông tin đó là gian dối. Từ sự xác nhận của bị cáo Nguyễn A nên ông T¹ mới tin tưởng giao tiền cho bị cáo Lê T chiếm đoạt, nên bị cáo Nguyễn A là đồng phạm có vai trò rất tích cực. Bản án sơ thẩm đã xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 nhưng chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Tuy bị cáo có mang tiền đến bồi thường cho người bị hại nhưng người bị hại cho lại và Bản án sơ thẩm cũng không buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường, nên không có căn cứ để áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự theo đề nghị của luật sư và vì vậy bị cáo không có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và lời bào chữa của luật sư.

[5] Từ các phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê T và bị cáo Nguyễn A, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Do không được chấp nhận kháng cáo nên hai bị cáo đều phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với Tô Văn G; về xử lý vật chứng; về trách nhiệm dân sự; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê T và bị cáo Nguyễn A; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2024/HS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về hình phạt đối với bị cáo Lê T và bị cáo Nguyễn A;

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Xử phạt bị cáo Lê T 17 (*mười bảy*) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 04 (*bốn*) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo **Lê T** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 21 (*hai mươi mốt*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 24/02/2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn A phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn A** 12 (*mười hai*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2023 đến ngày 09/11/2023;

3. Mỗi bị cáo Lê T và bị cáo Nguyễn A đều phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*)/bị cáo.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với Tô Văn G; về xử lý vật chứng; về trách nhiệm dân sự; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm

thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Các Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông, Bình Định, Phú Yên;
- Công an tỉnh Đắk Nông;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Nông (Tổng đạt cho bị cáo Lê Thương);
- Bị cáo tại ngoại;
- Lưu: HS, VP, NTHN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công